

Số: 19/2025/QĐST-HNGĐ

Hoàng Su Phì, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị V, sinh năm: 1992; số căn cước công dân: 002192007826 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện H, tỉnh H1.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn C, sinh năm: 1984; số căn cước công dân: 002084007622 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện H, tỉnh H1.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/3/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn C nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là cháu Hoàng Thị D, sinh ngày 04/5/2012 và Hoàng Duy Q, sinh ngày 10/11/2013. Sau ly hôn, anh Hoàng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Hoàng Thị D, Hoàng Duy Q đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị V là người cấp dưỡng cho cháu Hoàng Thị D với mức cấp dưỡng là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 20 hằng tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 20/4/2025. Anh C là người nhận tiền cấp dưỡng cho cháu D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp*: Chị V và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H1;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh